

2  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT  
& KINH DOANH VTTB – VVMI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025

## BÁO CÁO

### HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NHIỆM KỲ 2020-2025 VÀ ĐỊNH HƯỚNG NHIỆM KỲ 2025-2030

*Kính thưa quý vị cổ đông!*  
*Kính thưa quý vị đại biểu!*

Thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Hội đồng quản trị xin trân trọng báo cáo với Đại hội đồng Cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020-2025 và định hướng hoạt động nhiệm kỳ 2025-2030 với những nội dung như sau:

#### PHẦN I: ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhiệm kỳ 2020-2025 là nhiệm kỳ thứ 4 kể từ khi Công ty chuyển đổi sang cổ phần hóa doanh nghiệp, gia nhập sàn chứng khoán. Giai đoạn này nền kinh tế Thế giới và trong nước cũng có nhiều biến động.

Năm 2020 do ảnh hưởng của dịch viêm đường hô hấp cấp, năm 2024 ảnh hưởng của cơn bão Yagi cũng phần nào ảnh hưởng đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh chung toàn Tập đoàn.

Trong bối cảnh chung đó, với sự tạo điều kiện giúp đỡ của Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP, cùng với sự đoàn kết cố gắng, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên trong những năm qua, nên Công ty về cơ bản đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020-2025.

Trên cơ sở chiến lược và định hướng phát triển Công ty đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên nhiệm kỳ 2020-2025. Hội đồng quản trị Công ty đã hoạch định chiến lược phát triển của Công ty là tập trung vào những lĩnh vực trọng tâm: Sản xuất và Thương mại. Chú trọng đầu tư đổi mới hệ thống máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, lấy sản xuất làm nền tảng duy trì hoạt động của Công ty.

Trong nhiệm kỳ 2020-2025 Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị Công ty luôn trung thành với lợi ích của Cổ đông, Công ty. Thực hiện tốt chức trách nhiệm vụ trên tinh thần trách nhiệm, trung thực cẩn trọng và theo đúng quy định của Pháp



luật và Điều lệ của Công ty, nhằm đảm bảo Công ty hoạt động hiệu quả, ổn định và ngày càng phát triển.

## PHẦN II: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2020-2025

### I/ Khái quát về Công ty:

#### I.1/ Về cơ cấu tổ chức:

##### a) Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI nhiệm kỳ 2020-2025 tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ và trong nhiệm kỳ đã bầu ra với 3 thành viên đại diện nhóm cổ đông chi phối, gồm:

1. Ông **Đỗ Huy Hùng** – TP Quản lý vốn và kiểm soát nội bộ Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Chủ tịch HĐQT Công ty (*Từ 19/03/2020 – 08/09/2023*) – Đại diện cổ đông chi phối Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

2. Ông **Nguyễn Văn Dũng** – Phó Tổng giám đốc Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV – CTCP; Chủ tịch HĐQT Công ty (*Kể từ 08/09/2023 đến nay*) – Đại diện cổ đông chi phối Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

3. Ông **Phạm Đức Khiêm** – Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Thành Viên HĐQT (*Từ 19/03/2020 đến nay*) – Đại diện cổ đông chi phối Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP.

4. Ông **Ngô Minh Vinh** – Phó Giám đốc Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI; Thành Viên HĐQT (*Từ 19/03/2020 đến nay*) - Đại diện cổ đông thể nhân.

##### b) Bộ máy điều hành:

Trong nhiệm kỳ 2020-2025 Hội đồng quản trị đã thông qua các Nghị quyết bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ trong Công ty cụ thể:

- Bổ nhiệm: 01 Phó giám đốc; 01 Trưởng phòng; 03 Phó trưởng phòng

- Bổ nhiệm lại: 01 Giám đốc, 01 Phó giám đốc; 01 KTT; 05 Trưởng phòng; 03 Phó trưởng phòng.

#### I.2/ Về cơ cấu vốn góp:

Tính đến thời điểm 31/12/2024 vốn điều lệ Công ty cổ phần sản xuất và kinh doanh vật tư thiết bị - VVMI là 12,5 tỷ với cơ cấu vốn như sau:

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần	Giá trị vốn góp (tỷ đồng)	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông pháp nhân - Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP	637 507	6,375	51%
2	Cổ đông thể nhân	612 493	6,125	49%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1 250 000</b>	<b>12,5</b>	<b>100</b>

### II/ Hoạt động của HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025:



**1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.**

1.1) Thực hiện chi trả thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2020-2025 theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm cụ thể như sau:

a) Thù lao:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao nhiệm kỳ 2020-2025 (tr.đg)					Tổng
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Đỗ Huy Hùng	CT HĐQT	51 840	51 840	51 840	36 720		192 240
2	Nguyễn Văn Dũng	CT HĐQT				15 120	51 840	66 960
2	Phạm Đức Khiêm	TV HĐQT	45 360	45 360	45 360	45 360	45 360	226 800
3	Ngô Minh Vinh	TV HĐQT	45 360	45 360	45 360	45 360	45 360	226 800
<b>Tổng cộng</b>			<b>142 560</b>	<b>142 560</b>	<b>142 560</b>	<b>142 560</b>	<b>142 560</b>	<b>712 800</b>

*(Bảng chữ: Bảy trăm mười hai triệu tám trăm nghìn đồng chẵn)*

b) Tiền thưởng:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền thưởng nhiệm kỳ 2020-2025 (tr.đg)					Tổng
			2020	2021	2022	2023	2024	
1	Phạm Đức Khiêm	TV HĐQT	38 880	21 600	38 880	46 656	46 656	192 672
2	Ngô Minh Vinh	TV HĐQT	34 020	18 900	34 020	40 824	40 824	168 588
<b>Tổng cộng</b>			<b>72 900</b>	<b>40 500</b>	<b>72 900</b>	<b>87 480</b>	<b>87 480</b>	<b>361 260</b>

*(Bảng chữ: Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng chẵn)*

c) Việc chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT được chi trả theo hình thức tạm ứng hàng tháng với mức 80% mức chi trả theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm; sau khi Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm thông qua mức chi trả tiền thù lao và tiền thưởng cho các thành viên HĐQT trong năm; thì HĐQT Công ty căn cứ để thực hiện chi trả nốt số tiền còn lại. Cụ thể:

STT	Họ và tên	Thù lao (tr.đg)			Tiền thưởng (tr.đg)		
		NQ	Đã chi	Còn lại	NQ	Đã chi	Còn lại
1	Đỗ Huy Hùng	192 240	192 240				
2	Nguyễn Văn Dũng	66 960	56 592	10 368			
2	Phạm Đức Khiêm	226 800	217 728	9 072	192 672	146 016	46 656
3	Ngô Minh Vinh	226 800	217 728	9 072	168 588	127 764	40 824
<b>Tổng cộng</b>		<b>712 800</b>	<b>684 288</b>	<b>28 512</b>	<b>361 260</b>	<b>273 780</b>	<b>87 480</b>

**2. Tổng kết các cuộc họp, các quyết định của Hội đồng quản trị, việc thực hiện nhiệm vụ nhiệm kỳ 2020-2025 của Hội đồng quản trị.**



- Trong nhiệm kỳ vừa qua Hội đồng quản trị đã ban hành 125 nghị quyết, 200 quyết định để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên và các mặt hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm bám sát mục tiêu và chỉ đạo điều hành Công ty hoàn thành các mục tiêu và định hướng đã được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị đã thực hiện theo đúng Điều lệ, thành phần tham dự họp HĐQT được tham dự đầy đủ; tài liệu cung cấp cho các thành viên HĐQT được cung cấp đầy đủ và đúng thời gian; các thành viên HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền hạn của mình trong việc biểu quyết thông qua các vấn đề trong cuộc họp.

Hội đồng quản trị Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2020-2025 đã đề ra.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất theo quy định; nội dung các cuộc họp thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị Công ty trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách kịp thời hiệu quả.

Hội đồng quản trị Công ty đã chỉ đạo, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2020-2025 với các nội dung chính sau đây:

a. Chỉ đạo, giám sát và giao các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh, để Giám đốc triển khai nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

b. Chỉ đạo Công ty thực hiện tốt công tác An toàn vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường; phòng chống cháy nổ.

c. Chỉ đạo, giám sát thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.

d. Chỉ đạo Giám đốc thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động; việc tái cơ cấu sắp xếp lao động hợp lý; nâng cao năng suất lao động. Ban hành hệ thống thang bảng lương, điều chỉnh mức tiền lương trong hệ thống thang bảng lương tại từng thời điểm theo hướng dẫn của Nhà nước.

e. Thực hiện phê duyệt, thông qua các nội dung sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.  
- Quyết định giao kế hoạch hàng năm, hàng quý của công ty.  
- Quyết định giao kế hoạch tiền lương hàng năm của Công ty...  
- Hội đồng quản trị công ty đã quyết định sửa đổi và bổ sung 19 Quy chế đưa vào áp dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Cụ thể:

- + Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;
- + Quy chế quản lý công nợ;
- + Quy chế tổ chức và hoạt động công tác thanh tra;
- + Quy chế tổ chức và hoạt động pháp chế;
- + Quy chế quản lý Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi;
- + Quy chế thi đua khen thưởng;
- + Quy chế quản lý lao động và tiền lương;
- + Quy chế quản lý và sử dụng quỹ VHXH;
- + Quy chế quản lý tài chính;
- + Quy chế công bố thông tin;
- + Quy chế đối thoại nơi làm việc;
- + Quy chế quản lý về công tác ATVSLĐ;
- + Quy chế của BCHH phòng, chống tham nhũng;
- + Quy chế phối hợp HĐ giữa GD và Công đoàn;
- + Quy chế hoạt động của mạng lưới ATVSLĐ;
- + Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở;



- + Quy chế quản lý cán bộ;
- + Quy chế tuyển dụng và đào tạo;
- + Quy chế quản lý công tác vật tư.

### 3. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty với Người liên quan theo điều 167 luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Việc thực hiện ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan theo điều 167 của luật doanh nghiệp số: 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật. Trong năm Công ty có thực hiện việc ký kết các hợp đồng giao dịch với các bên liên quan cụ thể như sau:

(Phụ lục chi tiết kèm theo)

#### 4. Kết quả chỉ đạo sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2020-2025 thông qua, hàng năm HĐQT Công ty triển khai giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm và kế hoạch tác nghiệp hàng quý để bộ máy điều hành căn cứ thực hiện. Kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm được Công ty thực hiện về cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên giao và bảo toàn được vốn.

##### 4.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2020-2025:

Năm	Các chỉ tiêu chủ yếu							
	Doanh thu(Tr.đồng)		Lợi nhuận(Tr.đồng)		Tiền lương (Tr.đồng)		TL cổ tức/VĐL tỷ lệ %	
	KH	TH	KH	TH	KH	TH	KH	TH
2020	245 947	263 777	2 250	4 068	7,200	10,464	10	15
2021	245 000	307 192	2350	2 486	9,126	9,992	10	10
2022	260 394	320 045	2 000	2 905	9,000	11,755	10	12
2023	265 000	333 182	2 200	3 761	9,822	16,711	10	16
2024	271 423	353 149	2 500	3 904	10,390	16,137	12	16

Nhiệm kỳ 2020-2025 tình hình sản xuất và kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn; đặc biệt là việc các đơn vị trong Tập đoàn TKV cũng như trong Tổng công ty thực hiện mua bán hàng hóa thông qua đấu thầu rộng rãi, nên sự cạnh tranh hết sức khốc liệt; dẫn đến sản lượng vỏ bo phải chia sẻ sản lượng với các đơn vị bên ngoài, giá cả nguyên vật liệu đầu vào biến động thất thường... Công ty đã thực sự cố gắng nên đã cơ bản đảm bảo được thu nhập cũng như cổ tức cho các cổ đông.

##### 4.2. Kết quả thực hiện công tác đầu tư xây dựng:

STT	Thời gian, dự án thực hiện	Đơn vị tính	Tổng mức đầu tư
I	Năm 2020	Tr.đg	3 766,5
1	Nhà bán hàng và giới thiệu sản phẩm	Tr.đg	3 766,5
II	Năm 2021	Tr.đg	7 690,9
1	Hệ thống máy tráng màng (Dây chuyền SX vỏ bao xi măng)	Tr.đg	7 041,7
2	Xe nâng hạ hàng	Tr.đg	649,2
Tổng cộng			11 477,4



**5. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.**

- Công ty không có thành viên HĐQT độc lập.

**6. Kết quả hoạt động của từng thành viên HĐQT.**

Nhìn chung nhiệm kỳ 2020-2025, Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị Công ty đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ đã được quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành. Hội đồng quản trị đã thể hiện rõ vai trò của mình, luôn cố gắng hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được phân công; đoàn kết, hợp tác giúp đỡ nhau cùng hoàn thành nhiệm vụ và xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh, cụ thể như sau:

**6.1 Chủ tịch HĐQT: ông Đỗ Huy Hùng và ông Nguyễn Văn Dũng (Ông Dũng thay thế ông Hùng từ 08/9/2023 đến nay)**

Là người đứng đầu và chịu trách nhiệm chung về mọi hoạt động của Công ty, chỉ đạo việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của HĐQT quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định hiện hành của pháp luật, Quy chế hoạt động của HĐQT;

Chủ trì phân công các ủy viên HĐQT chuẩn bị nội dung họp và kết luận về những nội dung thảo luận trong phiên họp HĐQT, xem xét kiến nghị của Ban Kiểm soát công ty và giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT; việc xây dựng chủ trương, định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm; chương trình đầu tư các dự án, phương án điều chỉnh vốn và các nguồn lực, phương án tổ chức sản xuất của Công ty;

Luôn sát sao theo dõi, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ giữa hai kỳ họp HĐQT, theo dõi, giám sát công tác cán bộ thuộc thẩm quyền của giám đốc công ty và các công việc khác trong hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc chức năng của HĐQT.

Với vai trò là Chủ tịch HĐQT ông Đỗ Huy Hùng và ông Nguyễn Văn Dũng đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

**6.2 Ủy viên HĐQT, Giám đốc Phạm Đức Khiêm.**

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT, trước pháp luật Nhà nước về quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, theo Điều lệ của công ty và các quy định hiện hành của Nhà nước, tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT, trực tiếp chỉ đạo, tổ chức trong mọi hoạt động SXKD tại Công ty và các nhiệm vụ theo phân công của HĐQT.

Ông Phạm Đức Khiêm luôn thể hiện rõ vai trò, trách nhiệm của mình trong thực thi nhiệm vụ. Là một lãnh đạo năng động, nhiệt tình, giám nghĩ, giám làm và đưa ra nhiều giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả trong hoạt động SXKD và đã đạt được kết quả tốt.

Với vai trò là giám đốc điều hành ông Phạm Đức Khiêm đã luôn thể hiện rất tốt trách nhiệm của mình trong việc thực thi nhiệm vụ góp phần thực hiện thắng lợi kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ đã đề ra.

Kết quả HĐQT đánh giá nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông Phạm Đức Khiêm cụ thể.



- Năm 2020: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Năm 2021: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Năm 2022: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Năm 2023: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Năm 2024: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

### 6.3 Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc Ngô Minh Vinh.

Với chức năng, nhiệm vụ được phân công là phụ trách kiểm tra, giám sát công nghệ sản xuất của Công ty. Công tác chất lượng sản phẩm, an toàn lao động và phòng chống cháy nổ. Công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật. Xây dựng và hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật của Công ty. và các nhiệm vụ khác của HĐQT.

Ông Ngô Minh Vinh luôn thể hiện cao vai trò, trách nhiệm của mình, trong các cuộc họp đã luôn đưa ra những quan điểm, đề xuất, đóng góp ý kiến trong việc thực hiện các nghị quyết và công tác điều hành, quản lý của Công ty góp phần thực hiện tốt kế hoạch điều hành sản xuất của Công ty.

Kết quả HĐQT đánh giá nhiệm kỳ 2020-2025 đối với ông Ngô Minh Vinh cụ thể.

- Năm 2020: Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ
- Năm 2021: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Năm 2022: Hoàn thành nhiệm vụ
- Năm 2023: Hoàn thành tốt nhiệm vụ
- Năm 2024: Hoàn thành tốt nhiệm vụ

### 7. Kết quả giám sát đối với Giám đốc Công ty và người điều hành.

Trong nhiệm kỳ 2020-2025 HĐQT đã thực hiện tốt vai trò giám sát đối với Giám đốc và các cán bộ quản lý thuộc diện HĐQT quản lý.

Nhiệm kỳ 2020-2025 Giám đốc công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện nhiệm vụ theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Đã tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách cẩn trọng; mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty. Giám đốc thường xuyên báo cáo Hội đồng quản trị về tình hình sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo. Tổ chức triển khai thực hiện đúng các chính sách, chế độ nộp ngân sách nhà nước và các chế độ với người lao động Công ty.

Giám đốc công ty có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và sự tận tâm nhiệt huyết để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao. Sự phối hợp hoạt động và tinh thần đoàn kết nội bộ của cán bộ quản lý đã tạo ra môi trường làm việc chuyên nghiệp; thân thiện và gắn kết. Tạo tiền đề để hoàn thành tốt các mục tiêu nhiệm vụ chiến lược do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao.

Nhiệm kỳ 2020-2025 Hội đồng quản trị đã thực hiện kiểm điểm đánh giá và xếp loại cán bộ quản lý kết quả cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Chức danh	Xếp loại trong nhiệm kỳ
----	-----------	-----------	-------------------------



			2020	2021	2022	2023	2024
1	Phạm Đức Khiêm	Giám đốc	Xuất sắc	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
2	Ngô Minh Vinh	Phó giám đốc	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành	Tốt	Tốt
3	Vương Khắc Tuấn	Phó giám đốc				Xuất sắc	Tốt
4	Bùi Phương Anh	Kế toán trưởng	Xuất sắc	Hoàn thành	Tốt	Xuất sắc	Xuất sắc

**•Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban giám đốc:**

Nhiệm kỳ 2020-2025 bộ máy điều hành Công ty đã triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các quyết định ban hành, ý kiến chỉ đạo của HĐQT đúng theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

- Ban giám đốc Công ty đã thường xuyên tổ chức các cuộc họp giao ban để nắm bắt, trao đổi tình hình hoạt động trong SXKD nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục, thực hiện kịp thời.

- Giao kế hoạch SXKD cho các bộ phận theo tháng, quý nhằm kịp thời khắc phục những sai lệch và có cơ sở để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu.

- Quản lý và sử dụng vốn linh hoạt, tiết kiệm tốt các chi phí trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Quản lý tốt hệ thống chất lượng, đảm bảo chất lượng sản phẩm ổn định và có uy tín trên thị trường.

- Mạnh dạn, đột phá trong khâu chỉ đạo áp dụng các giải pháp kỹ thuật công nghệ mới và đã thu được những thành công nhất định, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất của Công ty.

Có thể nói đây tiếp tục là một năm ban điều hành Công ty hoạt động rất tích cực; với tinh thần đồng tâm, đoàn kết làm việc với trách nhiệm cao nên năm qua Công ty tiếp tục gặt hái được nhiều thành công.

**8. Kết quả phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:**

Nhiệm kỳ 2020-2025 Ban kiểm soát công ty đã thực hiện tốt công tác kiểm tra tình hình hoạt động tài chính của Công ty.


Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng kiểm soát và giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị Công ty phối hợp tốt với Ban kiểm soát trong việc giải quyết các kiến nghị và yêu cầu của Ban kiểm soát trong công tác quản trị Công ty. Những kiến nghị của Ban kiểm soát trong việc Quản lý tài chính, tình hình sử dụng vốn, tình hình công nợ, các quy định, quy chế quản lý Công ty được HĐQT thực hiện giải quyết kịp thời.

**PHẦN III**

**PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2025-2030**

**1/ Định hướng phát triển:**

Trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm qua và nhu cầu thị trường các năm tiếp theo, Hội đồng Quản trị công ty đề ra một số mục tiêu sau: 



-Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, thực hiện các dự án phục vụ sản xuất kinh doanh để đáp ứng mục tiêu phát triển của Công ty;

-Tăng cường công tác quản trị tài chính, báo cáo định kỳ với thông tin minh bạch, chính xác;

-Tiếp tục có những cải tiến kỹ thuật trong sản xuất để phát huy hết tiềm năng, năng lực sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, cạnh tranh với các đối thủ có ngành nghề sản xuất tương tự Công ty. Tự chủ trong sản xuất, nâng cao đời sống của Người lao động;

-Tập trung củng cố mặt hàng chủ lực của Công ty, nâng cao tính đa dạng, sức cạnh tranh trên thị trường;

-Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị, mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm mới với hàm lượng kỹ thuật cao.

## **2/ Quy hoạch, kiện toàn bộ máy quản lý Công ty:**

### **2.1. Quy hoạch cán bộ:**

- Tiếp tục rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ giai đoạn 2025-2030 đảm bảo tính kế thừa, đảm bảo đủ nguồn nhân lực (cả về số lượng và chất lượng) cho sự phát triển của Công ty. Trên cơ sở quy hoạch, tiếp tục đào tạo bồi dưỡng cho các cán bộ được đưa vào quy hoạch đảm bảo đủ điều kiện bổ nhiệm cho vị trí được quy hoạch.

- Trên cơ sở Quy chế quản lý cán bộ; Hội đồng quản trị sẽ tiến hành xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh quản lý kịp thời đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển công ty.

### **2.2. Kiện toàn bộ máy:**

#### **2.2.1. Bầu Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2025-2030:**

Do nhiệm vụ của Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020-2025 đã kết thúc, nên tại Đại hội đồng cổ đông thường niên này sẽ tiến hành bầu lại HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2025-2030.

#### **2.2.2. Kiện toàn bộ máy quản lý:**

Trên cơ sở Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị sẽ tiến hành xem xét, quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng Công ty, thông qua để Giám đốc Công ty bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh khác.

## **3/ Xây dựng và hoàn thiện lại một số quy chế quản lý của Công ty:**

Tiếp tục rà soát và hoàn thiện lại một số quy chế quản lý nội bộ cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty và các chế độ, chính sách, pháp luật của Nhà nước thay đổi.

## **4/ Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh nhiệm kỳ 2025-2030.**

### **a/ Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh.**

TT	Chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029
<b>I</b>	<b>Hiện vật chủ yếu</b>						
1	SX, Tiêu thụ vỏ bao xi măng KPK	Vỏ	12 880 000	13 300 000	13 660 000	14 110 000	14 670 000
2	SX, Tiêu thụ lưới thép lót nóc lò	Kg	2 821 000	2 821 000	2 839 000	2 839 000	2 839 000
6	Lao động bình quân	Người	144	146	146	147	149
<b>II</b>	<b>Chỉ tiêu tài chính</b>						
1	Tổng doanh thu thuần	Tr.đg	299 266	279 654	284 338	286 121	293 174
2	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đg	2 600	2 649	2 656	2 089	3 023
3	Thuế TNDN	Tr.đg	520	530	531	418	605
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đg	2 080	2 119	2 125	1 671	2 418
5	Nộp NSNN (Số phải nộp)	Tr.đg	2 779	2 816	2 817	2 004	2 824
6	Lương BQ/người/tháng	1.000đg	10 517	10 372	10 366	10 416	10 409
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	12	12	12	12	12

### **b/ Kế hoạch đầu tư xây dựng:**



TT	Tên hạng mục đầu tư	Đơn vị	Năm 2025	Năm 2027	Năm 2028	Năm 2029	Tổng
1	Đầu tư xây dựng hệ thống PCCC	Tr.đ	9 600				9 600
2	Đầu tư xe tải 15 tấn	Tr.đ	2 280				2 280
3	ĐT XD hệ thống xử lý nước thải	Tr.đ	750				750
4	Đầu tư 03 máy dệt tròn 6 thoi	Tr.đ		2 700			2 700
5	Đầu tư xe tải 15 tấn	Tr.đ			2 000		2 000
6	Đầu tư xe nâng trọng tải 5 tấn	Tr.đ				1 000	1 000
<b>Tổng cộng</b>			<b>12 630</b>	<b>2 700</b>	<b>2 000</b>	<b>1 000</b>	<b>18 330</b>

**c/ Kế hoạch tuyển dụng lao động năm 2025.**

STT	LĐ KH 2025	LĐ 31/12/2024	Dự kiến giảm năm 2025	LĐ KH 2025	LĐ cần tuyển dụng	Thời gian tuyển dụng	Hình thức tuyển dụng
1	LĐ C.nghệ	94	2	99	7	Theo nhu cầu sản xuất tại từng thời điểm	Tuyển mới
2	LĐ phục vụ, phụ trợ	17		19	2	Theo nhu cầu tại thời điểm	Tuyển mới
3	LĐ quản lý	23		26	3	Theo nhu cầu tại thời điểm	Tuyển mới
<b>Tổng cộng</b>		<b>134</b>	<b>2</b>	<b>144</b>	<b>12</b>		

**d/ Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030:**

Căn cứ các quy định của Nhà nước và quy định của Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP tại thời điểm năm 2025; Kế hoạch chi trả thù lao năm 2025 của Thành viên HĐQT Công ty như sau:

STT	Chức danh	Số người	Mức thù lao/thg(đg)	Số tháng	KH năm 2025(đg)
1	Chủ tịch HĐQT	01	4 320 000	12	51 840 000
2	Thành viên HĐQT	02	3 780 000	12	90 720 000

(Đây là mức tối thiểu, hàng năm căn cứ kết quả SXKD nếu tiền lương của các Người quản lý công ty (NQL) được quyết toán tăng thì mức chi trả thù lao sẽ tăng tương ứng, nhưng mức chi tối đa không quá 20% mức tiền lương của NQL)

**5/ Các giải pháp thực hiện của HĐQT:**

- Mỗi quý HĐQT họp thường kỳ một lần vào thời gian sau 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý, nội dung họp kiểm điểm tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý trước, giao kế hoạch sản xuất kinh doanh cho quý tiếp theo, định hướng và giải pháp khắc phục những khó khăn trong sản xuất kinh doanh của Công ty và giải quyết các nội dung khác theo thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài ra HĐQT có thể họp bất thường để giải quyết những nội dung cần thiết theo đề nghị của bộ máy điều hành. Trước khi họp phải chuẩn bị đầy đủ nội dung, tài liệu và được gửi trước cho các thành viên HĐQT ít nhất 3 ngày.



- Tập trung giải quyết nguồn vốn phục vụ cho quá trình sản xuất ổn định của nhà máy, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng vòng quay luân chuyển vốn lưu động, không để nợ tồn đọng và thất thoát vốn.

- Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của ban điều hành thực hiện theo KH đã được ĐHĐCĐ; HĐQT thông qua;

- Hoạt động của HĐQT được phân công cụ thể cho các thành viên phụ trách theo từng lĩnh vực để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát, chỉ đạo, đôn đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT theo lĩnh vực được phân công.

- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của Ban kiểm soát để phát hiện sớm các bất cập, các biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD.

- Chỉ đạo triển khai các dự án đầu tư, cải tạo sửa chữa cảnh quan xanh sạch đẹp đảm bảo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động

- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý và vận hành các phân xưởng sản xuất an toàn, ổn định, đảm bảo chất lượng sản phẩm và hiệu quả.

- Thực hiện công tác nghiên cứu phát triển, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất kinh doanh nhằm đa dạng hóa sản phẩm, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị; công nghệ nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm; để phục vụ tốt cho các đơn vị trong và ngoài ngành.

### ***Kính thưa Đại hội!***

Hội đồng quản trị trân trọng cảm ơn các Quý cổ đông đã tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên nhiệm kỳ 2025-2030. Chúng tôi cam kết với trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ của mình một cách trung thực và cẩn trọng để đem lại lợi ích cao nhất cho Công ty, đáp ứng sự mong đợi của các cổ đông.

Đề nghị các Đại biểu cổ đông đóng góp bổ sung, để có một bản Nghị quyết hành động thiết thực làm mục tiêu phấn đấu và tổ chức thực hiện hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2025, nhiệm kỳ 2025-2030.

Chúc toàn thể các cổ đông tham dự Đại hội mạnh khỏe, hạnh phúc, Chúc Đại hội thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Dũng**



**PHỤ LỤC 1**

**KÈM THEO BÁO CÁO CỦA HĐQT TẠI ĐHCĐ THƯỜNG NIÊN NĂM 2025**

TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
<b>I</b>	<b>HỢP ĐỒNG BÁN RA</b>					
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV</b>		<b>92,374,150,000</b>
1	1	01-HĐKH	1/2/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Lưới thép	11,820,270,000
2	2	427-HĐKH	7/9/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Lưới thép	10,995,600,000
3	3	390/HĐ-KH	7/2/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	gông lò các loại	8 720 360 000
4	4	789-HĐKH	11/27/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	gông, xương tấm chèn	5 642 615 000
5	5	795-HĐKH	12/4/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	gông nổi vì	281 600 000
6	6	881/HĐ-KH	12/31/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	vật tư các loại	36,047,055,000
7	7	HĐ 477-HĐKH	20/7/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	1 893 650 000
8	8	HĐ 638-HĐKH	22/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Tấm chèn lưới mắt võng KT 720x940	1 762 200 000
9	9	HĐ 642-HĐKH	26/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Dương Huy - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	15 210 800 000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV</b>		<b>23 074 548 200</b>
10	1	44/HĐMB-KH	1/29/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	gông, thanh giằng	1,827,100,000
11	2	178/HĐMB-KH	4/3/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	gông các loại	1,779,415,000



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
12	3	203/HĐMB-KH	4/12/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	thanh giăng các loại	1,870,000,000
13	4	454/HĐMB-KH	7/19/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	thanh giăng các loại	1,870,000,000
14	5	469/HĐMB-KH	7/31/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	gông các loại	1,779,415,000
15	6	569/HĐMB-KH	10/7/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	gông các loại	5,926,318,200
16	7	776/HĐMB-KH	12/28/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hạ Long - TKV	gông các loại	8,022,300,000
				Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI		26,322,277,590
17	1	24.07.29.VTTB/HĐ - CT	7/29/2024	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	vỏ bao xi măng	14,351,405,040
18	2	24.01.31.VTTB/HĐ - CT	1/31/2024	Công ty cổ phần xi măng Tân Quang - VVMI	vỏ bao xi măng	11,970,872,550
19	3	18/HĐ - VQHC - KH	1/2/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Quang Hanh - TKV	Lưới thép	7,374,950,000
				Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin		8,332,830,000
20	1	HĐ 23.01/HĐ-KHMD	04/01/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Thép lập là 16x60; L=6m/thanh	1 977 525 C00
21	2	HĐ 23.02/HĐ-KHMD	29/01/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Gông bất thép SVP-33	150 920 C00
22	3	HĐ 23.03/HĐ-KHMD	24/4/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Thép lập là 16x60; L=6m/thanh	1 891 065 C00
23	4	HĐ 23.04/HĐ-KHMD	08/5/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Gông bất thép SVP-33	539 000 C00
24	5	HĐ 23.05/HĐ-KHMD	8/8/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Tấm chèn lưới mắt võng các loại	1 849 540 C00



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
25	6	HĐ 23.06/HĐ-KHMD	10/12/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Tấm chèn lưới mắt võng KT (440x950)mm	950 180 000
26	7	HĐ 23.07/HĐ-KHMD	19/12/2024	Công ty CP than Mông Dương - Vinacomin	Thép lập là 16x60; L=6m/thanh	974 600 000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắk Nông - TKV</b>		<b>52 072 578 000</b>
27	1	38/2024/HĐ/DNA- VVM	1/5/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắk Nông - TKV	Vỏ bao Alumin	38,705,040,000
28	2	330/2024/HĐ/DNA- VVM	6/6/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắk Nông - TKV	Vỏ bao Alumin	105,138,000
29	3	624/2024/HĐ/DNA- VVM	10/7/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Đắk Nông - TKV	Vỏ bao Alumin	13,262,400,000
				<b>Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI</b>		<b>43,259,308,475</b>
30	1	431/HĐKT-KHVT	12/28/2023	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	vỏ bao xi măng	20,867,884,475
31	2	193/HĐKT-KHVT	6/25/2024	Công ty cổ phần xi măng La Hiên VVMI	vỏ bao xi măng	22,391,424,000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV</b>		<b>19,862,271,000</b>
32	1	238/HĐ - TMK - KH	3/5/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV	Lưới thép	18,924,400,000
33	2	1301/HĐ - TMK - KH	11/25/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Mạo Khê - TKV	Lưới thép	937,871,000
				<b>Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin</b>		<b>2,940,300,000</b>
34	1	248/2024-HĐ - HLC	3/5/2024	Công ty cổ phần than Hà Lâm - Vinacomin	Lưới thép	2,940,300,000
				<b>Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin</b>		<b>10,354,749,240</b>



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
35	1	316/HĐ - TVD - KH	4/2/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	Lưới thép, vật tư	847,944,790
36	2	496/HĐ - TVD - KH	5/13/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	lưới thép	417,450,000
37	3	642/HĐ - TVD - KH	6/11/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	lưới thép	640,090,000
38	4	1410/HĐ - TVD - KH	12/18/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	lưới thép	556,600,000
39	5	864/HĐ - TVD - KH	7/24/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	lưới thép	417,450,000
40	6	1238/HĐ - TVD - KH	11/4/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	lưới thép	222,640,000
41	7	238/HĐ-TVĐ-KH	3/15/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	vật tư các loại	1,891,782,200
42	8	992/HĐ-TVĐ-KH	9/10/2024	Công ty cổ phần than Vàng Danh - Vinacomin	vật tư các loại	1,775,670,930
43	9	HĐ số 91/HĐ-TVĐ-KH	29/01/2024	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Gông lò lắp công SVP-22	1 279 564 000
44	10	HĐ 919/HĐ-TVĐ-KH	12/8/2024	Công ty CP Than Vàng Danh - Vinacomin	Vật tư hàng hoá các loại	2 305 557 320
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV</b>		<b>34 077 556 920</b>
45	1	773/HĐMB-VTNC	1/24/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Lưới thép, vật tư	1,918,771,800
46	2	8237/HĐMB-VTNC	10/23/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	lưới thép, vật tư	967,701,680
47	3	9364/HĐMB-VTNC	12/3/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	vật tư các loại	961,444,000
48	4	9897/HĐMB-VTNC	12/25/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	vật tư các loại	192,274,500



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
49	5	1383/HĐMV - VTNC	2/23/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	lưới thép, vật tư	1,830,999,060
50	6	5872/HĐMV - VTNC	7/19/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	lưới thép, vật tư	1,850,395,910
51	7	2423/HĐMV - VTNC	3/27/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	lưới thép, vật tư	967,701,900
52	8	2255/HĐMB-VTNC	21/3/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	8 445 746 100
53	9	4154/HĐMB-VTNC	22/5/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Cầu máng trượt Inox	955 691 000
54	10	5086 /HĐMB-VTNC	21/6/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Cầu máng trượt Inox	575 905 000
55	11	6835/HĐMB-VTNC	23/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	464 310 000
56	12	7004/HĐMB-VTNC	28/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	13 737 708 600
57	13	3345/HĐMB-VTNC	4/24/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Thống Nhất - TKV	Lưới thép	1 208 907 370
				<b>Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI</b>		<b>405 000 000</b>
58	1	1504/2024/HĐMB	4/15/2024	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	bao jumbo	40,500,000
59	2	2007/2024/HĐMB	7/20/2024	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	bao jumbo	121,500,000
60	3	3011/2024/HĐMB	11/30/2024	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	bao jumbo	162,000,000
61	4	3010/2024/HĐMB	10/30/2024	Công ty cổ phần xi măng Quán Triều - VVMI	bao jumbo	81,000,000
				<b>Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin</b>		<b>8,512,878,000</b>



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
62	1	344/HĐVT - KH	9/11/2024	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	lưới thép	1,919,170,000
63	2	87/HĐVT - KH	3/12/2024	Công ty cổ phần than Núi Béo - Vinacomin	lưới thép	1,845,558,000
64	3	31/HĐVT-KH	26/01/2024	Công ty cổ phần than Núi Béo- Vinacomin	Tấm chèn lưới mắt võng KT 850x440	1 867 250 000
65	4	78/HĐVT-KH	5/3/2024	Công ty cổ phần than Núi Béo- Vinacomin	Tấm chèn lưới mắt võng KT 850x440	1 920 600 000
66	5	396 /HĐVT-KH	5/11/2024	Công ty cổ phần than Núi Béo- Vinacomin	Tấm chèn lưới mắt võng KT 850x440	960 300 000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV</b>		<b>7 872 480 000</b>
67	1	66/HĐMB - VTTB - VHGC	6/28/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Hòn Gai - TKV	lưới thép	7,872,480,000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV</b>		<b>22,514,894,600</b>
68	1	629/HĐ-VKCC	24/01/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò các loại	3 374 866 000
69	2	761 /HĐ-VKCC	29/01/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Tấm chèn lưới mắt võng các loại	2 189 000 000
70	3	3082 /HĐ-VKCC	25/4/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò các loại	1 474 275 000
71	4	4756 /HĐ-VKCC	21/6/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Tấm chèn lưới mắt võng các loại	1 883 750 000
72	5	5765/HĐ-VKCC	25/7/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò các loại	1 719 916 000
73	6	6442/HĐ-VKCC	15/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò các loại	183 497 600
74	7	6637/HĐ-VKCC	21/8/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Tấm chèn lưới mắt võng KT 850x440mm	609 400 000

Ch



TỔNG SỐ	STT	SỐ HỢP ĐỒNG	NGÀY KÝ HỢP ĐỒNG	TÊN ĐƠN VỊ	HÀNG HOÁ	GIÁ TRỊ (ĐÃ BAO GỒM VAT)
75	8	7498/HĐ-VKCC	26/9/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Tấm chèn lưới mắt võng các loại	981 200 000
76	9	8587/HĐ-VKCC	29/10/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Vật tư hàng hoá các loại	4 461 050 000
77	10	8592/HĐ-VKCC	29/10/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò các loại	1 355 200 000
78	11	10156/HĐ-VKCC	11/12/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	Gông lò lắp cong SVP-27	956 340 000
79	12	1054/HĐ-VKCC	2/19/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	lưới thép	1 386 000 000
80	13	2362/HĐ-VKCC	4/3/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	lưới thép	1 386 000 000
81	14	4463/HĐ-VKCC	6/12/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công ty than Khe Chàm - TKV	lưới thép	554 400 000
				<b>Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV</b>		<b>657 910 000</b>
82	1	1045/2024/HĐ-XLM	29/11/2024	Chi nhánh tập đoàn công nghiệp than khoáng sản Việt Nam - Công Ty Xây lắp mỏ-TKV	Tấm chèn lưới mắt võng các loại	657 910 000

## II HỢP ĐỒNG MUA VÀO

1	1	2893/HĐ - KTKH	31/12/2024	Tổng công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP	Thuê tài sản	458,898,000
2	2	1044/HĐ - CĐTKV	24/6/2024	Trường cao đẳng than khoáng sản Việt Nam	Bồi dưỡng, ôn luyện, thi nâng bậc	16,440,000
3	3	01/HĐ - CKM - VTTB	6/7/2024	Công ty CP cơ khí mỏ Việt Bắc VVMI	sửa chữa	94,910,400
				<b>Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI</b>		<b>514,689,768</b>
4	1	08/2024/HDDV - TTDD	22/4/2024	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	dịch vụ nghỉ mát kết hợp điều dưỡng	36,039,168
5	2	T05/2024/HDDV - VTTB/TTDD	27/5/2024	Trung tâm điều dưỡng ngành than - VVMI	dịch vụ nghỉ mát	478,650,600

cb



*Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2025*

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025**

*Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI;*

*Căn cứ vào tình hình hoạt động SXKD và Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO;*

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 những nội dung cụ thể như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 và kế hoạch năm 2025**

**1. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025:**

1.1. Ban kiểm soát đã hoạt động bám sát các nội dung theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2025; các quy định tại Điều lệ Công ty, Pháp luật Nhà nước, giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban điều hành đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý các hoạt động kinh doanh nhiệm kỳ 2020 - 2025; theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên các năm đã đề ra;

1.2. Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025; Ban kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp của Ban kiểm soát để phân công và triển khai nhiệm vụ tới từng thành viên; đánh giá, thẩm định kết quả kinh doanh, báo cáo tài chính quý, năm;

1.3. Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty (Khi được mời); đề từ đó nắm bắt tình hình thực tiễn tại các phòng, phân xưởng trong Công ty nhằm thực hiện nhiệm vụ kiểm soát đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật cũng như phương hướng của Đại hội đồng cổ đông;

1.4. Tham mưu, tư vấn cho HĐQT, Ban điều hành trong việc sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy định phù hợp với quy mô phát triển của Công ty, chú trọng nâng cao chất lượng hiệu quả công tác quản trị điều hành. Trong nhiệm kỳ Công ty đã ban hành và sửa đổi một số quy chế, quy định như: *Quy chế hoạt động của HĐQT; Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế thi đua khen thưởng; Quy chế quản lý cán bộ; Quy chế thực hiện dân chủ ở cơ sở; Quy chế quản lý vật tư; Quy chế quản lý Đầu tư và xây dựng; Quy chế quản lý tài chính;*



*Quy chế quản lý công nợ; Quy chế quản lý, phân phối sử dụng quỹ khen thưởng, phúc lợi; Quy chế tuyển dụng và đào tạo lao động; Quy chế quản lý lao động và tiền lương...*

1.5. Tham gia ý kiến với HĐQT trong các vấn đề: Tổng kết và xây dựng kế hoạch năm, quý; Trình ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT lựa chọn Công ty kiểm toán báo cáo tài chính 6 tháng và BCTC năm của Công ty;

1.6. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Xem xét báo cáo tài chính hàng tháng và thẩm định báo cáo tài chính 06 tháng và BCTC năm của Công ty đã được kiểm toán bởi các Công ty kiểm toán độc lập.

1.7. Thực hiện các Báo cáo gửi Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo đúng quy định.

1.8. Trong nhiệm kỳ qua, Ban kiểm soát của Công ty không nhận được đơn thư kiến nghị của cổ đông.

## **2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025:**

Căn cứ vào nhiệm vụ của Ban kiểm soát và các chỉ tiêu tạm giao kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025 của HĐQT Công ty, Ban kiểm soát đã ban hành kế hoạch công tác của Ban kiểm soát tại công văn số 02/VTTB-BKS ngày 09 tháng 01 năm 2025, tập trung vào các nhiệm vụ chính như sau:

2.1. Soát xét lại tính hợp lý, hợp pháp của các Nghị quyết, quyết định, nội quy, quy định, quy trình của Công ty; từ đó cùng với HĐQT, Ban điều hành sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn tại đơn vị.

2.2. Giám sát, đánh giá việc kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua.

2.3. Thẩm định, soát xét BCTC năm 2024, BCTC Bán niên độ 2025 đã được kiểm toán. Phân tích các chỉ số tài chính; Thực hiện phân tích một số chỉ tiêu chi phí theo yếu tố sản xuất kinh doanh; so sánh với các chỉ số cùng kỳ trước.

2.4. Giám sát việc thực hiện một số chuyên đề theo lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị; Giám sát việc sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

2.5. Giám sát các nội dung công bố thông tin đối với Công ty đại chúng, giám sát các biến động và tình hình giao dịch cổ phiếu TB8.

2.6. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

## **II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát**

### **1. Về thù lao của Ban kiểm soát:**

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI đã trả tiền lương, tiền thưởng và thù lao cho Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên các năm cụ thể như sau:





Bảng 1: Tiền lương, tiền thưởng, phụ cấp của BKS thực nhận giai đoạn năm 2020-2025

ĐVT: Tr.đồng

TT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/phụ cấp/thưởng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng BKS chuyên trách	Tiền lương, thưởng	306.180.000	61.425.000	-	-	-	Đến 01/03/2021
2	Trần Thu Hương	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	41.040.000	11.970.000	-	-		Từ 2020 đến 01/03/2021
3	Trần Thu Hương	Trưởng BKS kiêm nhiệm	Phụ cấp, thưởng	-	32.130.000	47.760.000	47.760.000	47.760.000	Từ 01/03/2021 đến nay
4	Tô Toàn Thắng	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	41.040.000	41.040.000	41.040.000	45.360.000	45.360.000	Từ 2020 đến nay
5	Phạm Thị Thúy Nga	Thành viên BKS	Phụ cấp, thưởng	-	29.070.000	41.040.000	45.360.000	45.360.000	Từ 01/03/2021 đến nay
	<b>Tổng cộng</b>			<b>388.260.000</b>	<b>175.635.000</b>	<b>129.840.000</b>	<b>138.480.000</b>	<b>138.480.000</b>	



## 2. Về chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Không

### III. Thẩm định Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính của Ban kiểm soát:

Trên cơ sở soát xét Báo cáo Tài chính cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, Ban kiểm soát Công ty thống nhất xác nhận số liệu BCTC năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO; theo đó, Báo cáo Tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI:

Đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ tài chính từ 01/01/2024 đến 31/12/2024 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

- Bộ phận Tài chính - Kế toán Công ty đã nghiêm túc cập nhật và áp dụng kịp thời đảm bảo tính tuân thủ theo chế độ kế toán của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, nộp BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động đầy đủ và đúng quy định.

- Quản lý tiền vốn, tài sản của Công ty; sử dụng đồng vốn linh hoạt, tiết kiệm chi phí tài chính góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

#### Bảng 2: Bảng cân đối kế toán

##### 2.1. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

##### 2.1.1. Bảng cân đối kế toán

Tài sản	Mã	Số	Số
	số	cuối năm	đầu năm
1	2	4	5
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>	<b>62.063.481.413</b>	<b>72.746.961.641</b>
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150 )			
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1.028.184.648	6.460.623.006
1. Tiền	111	1.028.184.648	6.460.623.006
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	54.147.300.889	53.629.361.260
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	52.958.419.543	51.809.805.561
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	757.150.000	387.411.120
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	431.731.346	1.432.144.579
IV. Hàng tồn kho	140	6.772.969.390	11.946.891.158
1. Hàng tồn kho	141	6.772.969.390	11.946.891.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho(*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	115.026.486	710.086.217
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	115.026.486	62.479.897



2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	153		647.606.320
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>3.904.493.107</b>	<b>6.266.140.725</b>
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)			
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		
II. Tài sản cố định	220	3.871.117.188	6.247.796.892
1. Tài sản cố định hữu hình	221	3.871.117.188	6.247.796.892
- Nguyên giá	222	52.157.150.871	52.157.150.871
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	-48.286.033.683	(45.909.353.979)
III. Bất động sản đầu tư	230		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		
VI. Tài sản dài hạn khác	260	33.375.919	18.343.833
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	33.375.919	18.343.833
<b>Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>65.967.974.520</b>	<b>79.013.102.366</b>
<b>Nguồn vốn</b>	<b>Mã</b>	<b>Số</b>	<b>Số</b>
	<b>số</b>	<b>cuối kỳ</b>	<b>đầu năm</b>
<b>1</b>	<b>2</b>	<b>4</b>	<b>4</b>
a. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300	45.562.669.937	58.872.984.744
I. Nợ ngắn hạn	310	45.551.919.937	58.872.984.744
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	24.167.229.906	31.356.399.258
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	1.350.919.326	1.021.858.564
4. Phải trả người lao động	314	11.421.206.032	11.598.264.034
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	38.775.939	47.630.568
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	216.000.000	130.750.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	505.435.276	1.049.768.563
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	7.398.389.413	13.221.901.053
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	453.964.045	446.412.704
II. Nợ dài hạn	330	10.750.000	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	10.750.000	
<b>D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>20.405.304.583</b>	<b>20.140.117.622</b>
1. Vốn chủ sở hữu	410	20.405.304.583	20.140.117.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	12.500.000.000	12.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	12.500.000.000	12.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	4.813.339.681	4.813.339.681
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	3.091.964.902	2.826.777.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	3.091.964.902	2.826.777.941
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
<b>Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>65.967.974.520</b>	<b>79.013.102.366</b>

### 3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty:

Số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2020-2025:



**Bảng 3: Bảng kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn năm 2020-2025**

ĐVT: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	263 775 865 972	307 190 978 020	320 043 955 312	333 181 989 998	353 149 272 622
2	Giá vốn hàng bán	235 688 620 119	284 168 926 738	294 727 645 508	303 302 377 016	324 137 883 274
3	Lợi nhuận gộp	28 087 245 853	23 022 051 282	25 316 309 804	29 879 612 982	29 011 389 348
4	Doanh thu hoạt động tài chính	4 323 995	4 536 467	4 376 927	4 956 450	4 986 467
5	Chi hoạt động tài chính	1 166 699 352	1 342 518 429	1 726 234 860	1 903 379 272	1 364 942 394
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>1 166 699 352</i>	<i>1 342 518 429</i>	<i>1 726 234 860</i>	<i>1 903 379 272</i>	<i>1 364 942 394</i>
6	Chi phí bán hàng	10 817 799 651	8 718 635 771	10 192 257 047	12 849 299 262	11 464 281 644
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	12 068 392 348	10 834 474 749	10 833 710 600	11 589 848 498	12 360 850 510
8	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	4 038 678 497	2 130 958 800	2 568 484 224	3 542 042 400	3 826 301 267
9	Thu nhập khác	29 745 341	386 500 453	337 633 638	243 752 673	77 519 860
10	Chi phí khác		31 518 586	958 290	24 033 704	
11	Lợi nhuận khác	29 745 341	354 981 867	336 675 348	219 718 969	77 519 860
12	Tổng lợi nhuận trước thuế	4 068 423 838	2 485 940 667	2 905 159 572	3 761 761 369	3 903 821 127
13	Chi phí thuế TNDN hiện hành	715 591 515	629 698 507	610 751 572	934 983 428	811 856 225
14	Chi phí thuế TNDN hoãn lại					
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	3 352 832 323	1 856 242 160	2 294 408 000	2 826 777 941	3 091 964 902
16	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2 682.00	1 485.00	1 836.00	2 261.00	2 474.00



**Bảng 4: Một số chỉ tiêu tài chính của Công ty giai đoạn năm 2020-2025**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
A	B	C	1	2	3	4	5
1	Hệ số bảo toàn vốn	Lần	1.08	0.95	1.03	1.03	1.01
2	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán						
+	Hệ số thanh toán hiện thời	Lần	1.52	1.23	1.21	1.24	1.36
+	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.18	0.96	0.90	1.03	1.21
3	Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn						
+	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1.41	2.66	2.93	2.92	2.23
+	Hệ số nợ/Vốn điều lệ	Lần	2.26	4.03	4.60	4.71	3.65
4	Hệ số phản ánh cơ cấu tài sản						
+	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản ngắn hạn	%					
+	Tỷ lệ đầu tư vào tài sản dài hạn	%					
5	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động						
+	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng					
+	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần					
6	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời						
+	Tỷ suất lợi nhuận /Doanh thu (ROS)	%	1.27	0.60	0.72	0.85	0.88
+	Tỷ suất sinh lời của tài sản (ROA)	"	6.93	3.15	3.13	3.62	4.27
+	Tỷ suất lợi nhuận /Vốn kinh doanh	"					
+	Tỷ suất sinh lời /Vốn CSH (ROE)	"	17.37	9.51	11.89	14.22	15.25
+	Tỷ số thu nhập /cổ phiếu (EPS)	Đồng	2 682.00	1 485.00	1 836.00	2 261.00	2 474.00



Nhìn chung những chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động và tài chính của Công ty thể hiện sự ổn định và an toàn cho thấy Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI có hệ thống quản trị tốt và hiệu quả. Cuối năm 2024 hệ số về khả năng thanh toán nợ đến hạn đã được cải thiện  $> 1$ , Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ phải trả đến hạn.

#### **V. Sự phối hợp giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành**

- Giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty đã duy trì được mối quan hệ trong công tác, hợp tác phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ.

- Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, Hội đồng quản trị cùng Ban giám đốc và các cán bộ quản lý của các phòng ban chức năng Công ty đã tạo điều kiện cho Ban kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát;

- Ban kiểm soát thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty đúng với các quy định hiện hành, đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

#### **VI. Đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc**

##### **1. Hội đồng quản trị:**

Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm quản lý của mình tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định khác của pháp luật.

- Các nghị quyết của Hội đồng quản trị đã được ban hành tuân thủ thẩm quyền của Hội đồng quản trị và nội dung của các nghị quyết này tuân thủ các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, và Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty, và các quy định khác của pháp luật.

- Hội đồng quản trị thông qua các cuộc họp định kỳ, đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để thực thi nhiệm vụ quản lý điều hành các hoạt động của Công ty, tiếp tục ban hành, hoàn thiện các quy chế nội bộ để làm cơ sở cho hoạt động của công ty ngày càng rõ ràng, minh bạch.

- Hội đồng quản trị giao Giám đốc thực hiện kế hoạch hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra.

- Trong quá trình hoạt động, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo, giám sát Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị luôn tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, luật pháp nhà nước; phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành cùng hợp tác nhằm đưa ra các giải pháp hữu hiệu để nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- HĐQT đã định hướng, chỉ đạo Công ty thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, bảo toàn và phát triển được vốn của Công ty.



## **2. Ban giám đốc:**

Cùng với Hội đồng quản trị, Ban giám đốc có những chỉ đạo sát sao và quyết liệt trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình, đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, điều hành quản lý và phát huy các nguồn lực về vốn, tài sản; sử dụng vốn đúng mục đích trong sản xuất kinh doanh; tuân thủ các qui định của pháp luật trong kinh doanh, chấp hành đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo qui định; quản lý chặt chẽ tài sản và nguồn vốn của Công ty; đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

Trong nhiệm kỳ 2020 – 2025, thị trường tiêu thụ vỏ bao xi măng có những chuyển biến tích cực, tuy nhiên mức cạnh tranh vẫn diễn ra khốc liệt, song Ban giám đốc đã nỗ lực tìm các giải pháp để đẩy mạnh công tác tiêu thụ, cụ thể:

+ Công tác tiêu thụ sản phẩm là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Công ty, do vậy Công ty rất quan tâm và đầu tư các nguồn lực để đảm bảo chất lượng sản phẩm, Thành công của công tác thị trường là Công ty giữ vững thị trường hiện có, ngoài ra tìm kiếm và phát triển thêm thị trường mới.

+ Điều hành và kiểm soát tốt về năng suất các thiết bị chính như: máy đan lưới, máy dệt, máy tráng màng... nên đã đảm bảo duy trì sản xuất giảm thời gian huy động giờ cao điểm, tận dụng tối đa thời gian thấp điểm tiết kiệm chi phí điện năng, tăng hiệu quả kinh doanh.

+ Công tác cơ điện đã quan tâm quản lý tốt hồ sơ thiết bị, quy trình vận hành, quy trình an toàn cho thiết bị lập biện pháp và tổ chức thực hiện sửa chữa khắc phục sự cố thiết bị dây chuyền đảm bảo chất lượng, tiến độ và an toàn.

Trong nhiệm kỳ 2020 - 2025, thông qua hoạt động giám sát của mình, Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động kinh doanh của Công ty, các hoạt động của Công ty đã đảm bảo được việc phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo đúng Pháp luật, Điều lệ công ty, các Nghị quyết của Đại hội Cổ đông và Hội đồng quản trị.

## **VII. Kiến nghị của Ban kiểm soát**

Năm 2025, trong khi các rủi ro địa chính trị có khuynh hướng giảm bớt thì nền kinh tế thế giới sẽ phải đối mặt với một số thách thức từ chính sách thương mại của Mỹ và sự bất ổn chính trị, kinh tế ở các nền kinh tế lớn của EU. Sự trở lại của chính quyền Trump ở Mỹ lại gây ra nhiều lo ngại khi có nhiều khả năng Mỹ sẽ dùng hàng rào thuế quan để ngăn chặn tình trạng nhập siêu hàng hóa từ Trung Quốc và các đối tác khác. Điều này sẽ gây ra các đòn đáp trả lẫn nhau về thuế quan trên toàn cầu, dẫn đến sự trì trệ, thậm chí, hỗn loạn trong giao thương quốc tế.

Việt Nam là nền kinh tế phụ thuộc lớn vào kinh tế toàn cầu. Trong bối cảnh xung đột thương mại Mỹ - Trung với sự trở lại của chính quyền Trump, Việt Nam có thể sẽ chịu nhiều rủi ro hơn trong năm 2025.

Bên cạnh đó là sự diễn biến phức tạp của thời tiết diễn, giá cả nguyên vật liệu đầu vào vẫn tiếp tục tăng đã khiến Công ty Cổ phần Sản xuất và kinh doanh Vật tư Thiết bị - VVMI phải đối mặt với nhiều thách thức rất lớn. Để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh trong năm 2025, đem lại lợi ích cho cổ đông Ban kiểm soát đề nghị bộ máy điều hành Công ty cần quan tâm một số nội dung sau:



- Cân đối lao động để đảm bảo đủ định biên cho dây chuyền sản xuất chính. Gắn chính sách tiền lương với các chính sách quản lý: Ban hành và áp dụng quy chế tiền lương mới khuyến khích người lao động và cán bộ quản lý phát huy hết khả năng trong lao động sản xuất để tạo ra khối lượng sản phẩm với năng suất, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sản xuất cao nhất. Tuyển dụng thêm lao động để tạo nguồn kế cận, thay thế cho nguồn lao động trong những năm sắp tới sau khi tái cơ cấu lao động.

- Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, đưa công nghệ 4.0 vào thực tiễn nhằm tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm đồng thời tiết kiệm nhiên liệu, điện năng giảm chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao mức độ an toàn lao động và bảo vệ môi trường.

- Tăng cường áp dụng tin học hóa, tự động hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tiết giảm lao động và nâng cao năng suất, đảm bảo năng lực cạnh tranh và phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Tiếp tục quản lý tốt chất lượng vật liệu sản xuất nhằm nâng cao chất lượng vỏ bao xi măng.

- Xây dựng kế hoạch, dự toán bảo trì, bảo dưỡng máy móc, thiết bị hợp lý đúng định kỳ, để không biến động chi phí tại từng thời kỳ. Tiếp tục đầu tư, cải tạo, thay thế các thiết bị cũ để phục vụ sản xuất, đem lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty trong những năm tiếp theo.

- Tiếp tục tăng cường các hoạt động Marketing, xây dựng thương hiệu cho sản phẩm, giữ vững và phát triển trên thị trường truyền thống và không ngừng phát triển thị trường mới để tăng sản lượng tiêu thụ. Tổ chức tốt mạng lưới tiếp thị, phân công chi tiết các khu vực quản lý, nắm bắt tình hình thị trường cũng như khả năng thanh toán của khách hàng để có biện pháp bán hàng và thu hồi công nợ kịp thời.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý và thu hồi công nợ, giảm dư nợ khách hàng bình quân, an toàn và tăng vòng quay vốn.

- Điều hành một cách linh hoạt các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025.

- Tăng cường giám sát, thực hiện các nội dung yêu cầu đối với Công ty đại chúng, chấp hành đúng pháp luật, đảm bảo lợi ích cho nhà đầu tư và cổ đông của Công ty.

Sau khi đại hội cổ đông thông qua quyết toán tài chính và phương án phân phối lợi nhuận năm 2024. Đề nghị Công ty tiến hành chi trả cổ tức cho các cổ đông theo phương án đã được Đại hội thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT**

**Trưởng ban**



**Trần Thu Hương**



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH  
DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

Báo cáo tài chính đã kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31/12/2024



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

**MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	2
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 34
PHỤ LỤC 01: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CÁC KHOẢN VAY	35



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

### **THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

#### **Thông tin chung của Công ty**

Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần có mã số doanh nghiệp số 0101854047 ngày 05/10/2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, các thay đổi về vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, địa chỉ trụ sở chính cũng như thay đổi về người đại diện theo pháp luật đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội chứng nhận tại các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần 1 ngày 05/10/2004 đến lần 4 ngày 06/04/2016.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vật tư, thiết bị phụ tùng, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống, kinh doanh vỏ bao xi măng và kinh doanh lưới thép nóc lò.

#### **Hội đồng quản trị**

Các thành viên của Hội đồng quản trị đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- |                       |                            |
|-----------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Văn Dũng | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| - Ông Phạm Đức Khiêm  | Ủy viên Hội đồng quản trị  |
| - Ông Ngô Minh Vinh   | Ủy viên Hội đồng quản trị  |

#### **Ban Giám đốc**

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- |                       |              |
|-----------------------|--------------|
| - Ông Phạm Đức Khiêm  | Giám đốc     |
| - Ông Ngô Minh Vinh   | Phó Giám đốc |
| - Ông Vương Khắc Tuấn | Phó Giám đốc |

#### **Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này ngày lập Báo cáo này là: Ông Phạm Đức Khiêm - Chức danh: Giám đốc.

#### **Ban Kiểm soát**

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và cho đến ngày lập Báo cáo tài chính này bao gồm:

- |                        |                      |
|------------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thu Hương    | Trưởng ban Kiểm soát |
| - Ông Tô Toàn Thắng    | Thành viên           |
| - Bà Phạm Thị Thúy Nga | Thành viên           |

#### **Trụ sở đăng ký kinh doanh**

Công ty có trụ sở tại Tổ 12, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

#### **Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.



# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Về Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI (dưới đây được gọi là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ngoài ra, Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2024 đính kèm được trình bày từ trang 05 đến trang 35. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện HĐQT và Ban Giám đốc



GIÁM ĐỐC

Phạm Đức Khiêm

Phạm Đức Khiêm  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025



Số: BC/BDO/2025.47

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

Kính gửi: **CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI được lập ngày 27/02/2025 từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

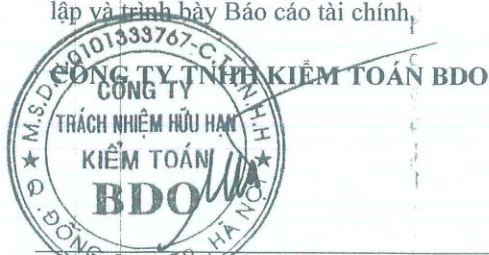
Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật tư thiết bị - VVMI tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**LÊ THỊ MINH HỒNG**

Phó Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1922-2023-038-1

**PHẠM HỒNG MINH**

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3356-2025-038-1



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMÍ**  
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**B01- DN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.063.481.413</b>	<b>72.746.961.641</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>1.028.184.648</b>	<b>6.460.623.006</b>
1. Tiền	111		1.028.184.648	6.460.623.006
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.147.300.889</b>	<b>53.629.361.260</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	52.958.419.543	51.809.805.561
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	757.150.000	387.411.120
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	431.731.346	1.432.144.579
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.5</b>	<b>6.772.969.390</b>	<b>11.946.891.158</b>
1. Hàng tồn kho	141		6.772.969.390	11.946.891.158
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>115.026.486</b>	<b>710.086.217</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5.1	115.026.486	62.479.897
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.9	-	647.606.320
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3.904.493.107</b>	<b>6.266.140.725</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>3.871.117.188</b>	<b>6.247.796.892</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	3.871.117.188	6.247.796.892
Nguyên giá	222		52.157.150.871	52.157.150.871
Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(48.286.033.683)	(45.909.353.979)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>33.375.919</b>	<b>18.343.833</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6.2	33.375.919	18.343.833
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>65.967.974.520</b>	<b>79.013.102.366</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMi

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

B01- DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		45.562.669.937	58.872.984.744
I. Nợ ngắn hạn	310		45.551.919.937	58.872.984.744
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.8	24.167.229.906	31.356.399.258
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.9	1.350.919.326	1.021.858.564
3. Phải trả người lao động	314		11.421.206.032	11.598.264.034
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.10	38.775.939	47.630.568
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.11	216.000.000	130.750.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	505.435.276	1.049.768.563
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	7.398.389.413	13.221.901.053
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		453.964.045	446.412.704
II. Nợ dài hạn	330		10.750.000	-
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.11	10.750.000	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		20.405.304.583	20.140.117.622
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.14	20.405.304.583	20.140.117.622
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.500.000.000	12.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.500.000.000	12.500.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.813.339.681	4.813.339.681
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.091.964.902	2.826.777.941
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.091.964.902	2.826.777.941
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		65.967.974.520	79.013.102.366

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng



*[Signature]*

*[Signature]*

*[Signature]*

Hà Thị Thúy An

Bùi Phương Anh

Phạm Đức Khiêm



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**B02 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	353.149.272.622	333.181.989.998
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.1</b>	<b>353.149.272.622</b>	<b>333.181.989.998</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	324.137.883.274	303.302.377.016
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>29.011.389.348</b>	<b>29.879.612.982</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.986.467	4.956.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.364.942.394	1.903.379.272
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>23</i>		<i>1.364.942.394</i>	<i>1.903.379.272</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.464.281.644	12.849.299.262
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.360.850.510	11.589.848.498
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>3.826.301.267</b>	<b>3.542.042.400</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.7	77.519.860	243.752.673
12. Chi phí khác	32		-	24.033.704
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>77.519.860</b>	<b>219.718.969</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>3.903.821.127</b>	<b>3.761.761.369</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	811.856.225	934.983.428
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>3.091.964.902</b>	<b>2.826.777.941</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>VI.10</b>	<b>1.600</b>	<b>1.600</b>

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2025

Người lập

Kế toán trưởng



Hà Thị Thúy An



Bùi Phương Anh



Phạm Đức Khiêm



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ KINH DOANH VẬT TƯ THIẾT BỊ - VVMI**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**B03 - DN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(Phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
<b>I. Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.903.821.127	3.761.761.369
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	02		2.376.679.704	3.034.233.092
- Các khoản dự phòng	03		-	(320.174.780)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.986.467)	(12.683.723)
- Chi phí lãi vay	06		1.364.942.394	1.903.379.272
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		7.640.456.758	8.366.515.230
- (Tăng), giảm các khoản phải thu	09		(284.808.449)	(6.464.245.918)
- (Tăng), giảm hàng tồn kho	10		5.173.921.768	5.298.746.196
- Tăng, (giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(7.881.530.964)	(364.407.465)
- (Tăng), giảm chi phí trả trước	12		(67.578.675)	18.371.527
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1.375.147.023)	(1.901.385.188)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.546.009.875)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(819.226.600)	(573.712.485)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>2.386.086.815</b>	<b>2.833.872.022</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	(300.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	7.727.273
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.986.467	4.956.450
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>4.986.467</b>	<b>12.383.723</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		186.336.448.726	175.061.537.030
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(192.159.960.366)	(172.903.781.577)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.000.000.000)	(1.500.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(7.823.511.640)</b>	<b>657.755.453</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(5.432.438.358)</b>	<b>3.504.011.198</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	6.460.623.006	2.956.611.808
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>1.028.184.648</b>	<b>6.460.623.006</b>

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Thị Thúy An

Bùi Phương Anh

Phạm Đức Khiêm

